

ẢNH HƯỞNG CỦA TRẢI NGHIỆM HỌC TẬP ĐỐI VỚI KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THU TRANG*, ĐÀO THỊ NGUYỆT ÁNH, NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP, LÝ THANH BÌNH, PHẠM THỊ OANH, ĐỖ THỊ THÌN

Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

**Tác giả liên hệ: nguyenthithutrang@iuh.edu.vn*

DOIs: <https://doi.org/10.46242/jstiuh.v63i03.4822>

Tóm tắt. Nghiên cứu đo lường mức độ ảnh hưởng của trải nghiệm học tập đối với các kết quả sinh viên đạt được trong năm học đầu tiên tại trường Đại học Công nghiệp TP. HCM (IUH). Đây là một chủ đề còn tương đối mới trong các nghiên cứu về giáo dục đại học Việt Nam. Dữ liệu thu được từ phiếu trả lời khảo sát của 898 sinh viên năm thứ nhất trường IUH cho thấy trải nghiệm học tập, xét tổng thể, có ảnh hưởng tích cực đối với kết quả sinh viên đạt được bao gồm sự phát triển về kiến thức, kỹ năng, nhân cách; điểm số; sự hài lòng và sự gắn bó với Nhà trường của sinh viên năm nhất IUH. Các yếu tố có ảnh hưởng nhiều đến kết quả nhất bao gồm nỗ lực học tập của sinh viên, sự hỗ trợ của Nhà trường dành cho sinh viên trong học tập và đời sống, chất lượng các mối quan hệ của sinh viên với những thành viên khác của trường. Các yếu tố còn lại, trừ “Hoạt động nhóm”, đều có ảnh hưởng với ít nhất một kết quả. Tuy nhiên, tương tác giữa giảng viên và sinh viên lại có ảnh hưởng tiêu cực với sự hài lòng của sinh viên.

Từ khóa. kết quả đạt được, sinh viên năm nhất, sự hài lòng, sự gắn bó, sự phát triển, trải nghiệm học tập

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục đại học mang lại giá trị gì cho người học, giúp họ phát triển và trưởng thành ra sao luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà nghiên cứu và nhà quản lý giáo dục trên toàn thế giới (Coates, 2010). Chính vì vậy, kết quả sinh viên đạt được (KQĐĐ) từ quá trình học đại học luôn được xem là thước đo quan trọng về chất lượng đào tạo của các trường đại học cũng như của toàn hệ thống giáo dục đại học. KQĐĐ từ giáo dục đại học chịu tác động từ nhiều yếu tố, trong đó, trải nghiệm học tập (TNHT) của sinh viên đóng vai trò quan trọng. Những hoạt động, nhiệm vụ học tập sinh viên thực hiện, những mối quan hệ giao tiếp xã hội của họ trong trường, cảm nhận của họ về môi trường học tập ... có ảnh hưởng đáng kể đến sự thu nhận kiến thức, sự phát triển các kỹ năng và sự hình thành nhân cách, đạo đức của họ (Kuh et al., 2006). Những KQĐĐ kể trên sẽ là tiền đề để họ thành công trong tương lai và trở thành những công dân có tri thức, có trách nhiệm đối với xã hội. Mối quan hệ giữa TNHT và KQĐĐ được nghiên cứu rộng rãi trên toàn thế giới nhưng ở Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu sâu rộng về chủ đề này. Các nghiên cứu hiện có tập trung vào việc kiểm tra ảnh hưởng của một số yếu tố chủ quan như động cơ học tập, tính chủ động trong học tập của sinh viên, ... đến kết quả học tập của họ (chủ yếu là điểm số). Một số nghiên cứu có đề cập đến ảnh hưởng của các yếu tố khách quan đối với kết quả học tập nhưng các yếu tố này được kiểm tra một cách riêng lẻ trong các nghiên cứu khác nhau. Nghiên cứu của chúng tôi sẽ kiểm tra cùng lúc ảnh hưởng của các khía cạnh chính trong TNHT của sinh viên đối với KQĐĐ. Điều này sẽ cho thấy tác động cộng hưởng từ tất cả các khía cạnh cũng như tác động của từng khía cạnh đối với KQĐĐ. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đưa vào mô hình một số KQĐĐ chưa được các nghiên cứu khác đề cập đến như sự hài lòng hay cảm giác gắn bó của sinh viên với nhà trường. Ngoài ra, khác với các nghiên cứu trước đó, đối tượng thu thập thông tin trong nghiên cứu này là sinh viên năm thứ nhất. Với những điểm khác biệt kể trên, kết quả thu được từ nghiên cứu sẽ bổ sung thêm những hiểu biết mới vào hệ thống tri thức hiện có về TNHT và KQĐĐ ở Việt Nam. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu sẽ cung cấp những thông tin khách quan về TNHT và KQĐĐ của sinh viên năm nhất trường IUH cũng như mối quan hệ giữa chúng. Các thông tin trên sẽ giúp Nhà trường nghiên cứu và vận dụng để nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện TNHT của sinh viên năm thứ nhất và giúp sinh viên nâng cao KQĐĐ.

2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

2.1. Trải nghiệm học tập (TNHT)

TNHT được hiểu là những gì sinh viên trải qua trong quá trình học tập tại một trường đại học. Theo Abbott (2013), TNHT bao gồm toàn bộ hoạt động học tập sinh viên thực hiện trong hay ngoài giờ học, những hoạt động ngoại khóa sinh viên tham gia hay tương tác của sinh viên trong cộng đồng học tập tại trường. TNHT còn là sự cộng hưởng giữa nỗ lực học tập của sinh viên với hoạt động giảng dạy, hỗ trợ của nhà trường nhằm giúp sinh viên đạt được mức phát triển cao nhất của mình (Kuh, 2006). Riêng với sinh viên năm nhất, TNHT là quá trình sinh viên phải tự điều chỉnh để có thể thích nghi với môi trường học tập mới về cả mặt học thuật lẫn các mối quan hệ xã hội (Awang et al., 2014; Brinkworth et al., 2009), trong đó những đặc điểm, tính cách riêng của từng sinh viên tương tác với một số đặc điểm của các trường đại học để tạo lập nên bản sắc, hành vi và giá trị của sinh viên (Ang et al., 2019). Từ TNHT, sinh viên thu nhận kiến thức, phát triển kỹ năng, hình thành nên thái độ, nhận thức, hiểu biết (International Bureau of Education – UNESCO, 2013).

2.2. Kết quả sinh viên đạt được (KQĐĐ) từ TNHT

Có nhiều cách hiểu khác nhau về KQĐĐ. Thông thường, KQĐĐ được hiểu như điểm số, xếp loại học lực sinh viên đạt được từ các môn học hay toàn bộ quá trình học tập tại trường đại học. KQĐĐ còn được định nghĩa như thành tựu, thành tích sinh viên đạt được. KQĐĐ với ý nghĩa rộng hơn có thể hiểu là sự phát triển, sự trưởng thành người học có được nhờ vào quá trình học tập tại một trường đại học (Pascarella & Terenzini, 2005). Nhà trường, thông qua các chương trình, hoạt động học tập và giáo dục của mình sẽ tạo điều kiện cho sinh viên phát triển cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ và nhân cách (Astin, 1977, 1991). Định nghĩa này cũng nhận được sự đồng thuận của nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam (Hóa & ctv., 2018; Quỳnh & Anh, 2021).

Kiến thức và kỹ năng sinh viên đạt được từ TNHT tại trường đại học, theo Coates (2010), bao gồm kiến thức đại cương và kiến thức chuyên ngành; các kỹ năng học tập cơ bản như viết, giao tiếp, trình bày ý tưởng, tự học; làm việc nhóm; giải quyết vấn đề. Kuh et al. (2006) cho rằng khi tốt nghiệp sinh viên phải phát triển được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin và tư duy phản biện. Theo Gray (2016), đây là những kỹ năng được nhà tuyển dụng xem trọng hàng đầu trong kỹ nguyên số và công nghiệp 4.0. Sự phát triển về nhân cách của sinh viên cũng là một mục tiêu được đề ra cho giáo dục Đại học Việt Nam (Quốc Hội, 2013). Sự phát triển về nhân cách sẽ giúp sinh viên có cuộc sống lành mạnh, trở thành những công dân có ích, có trách nhiệm với đất nước (Kuh, 1993). Bên cạnh các chỉ báo về sự phát triển về kiến thức, kỹ năng, nhân cách của sinh viên, trong giáo dục đại học, chất lượng đào tạo của các trường đại học còn được đánh giá thông qua chỉ báo sự hài lòng của sinh viên (Coates, 2010). Sinh viên được xem như người mua một dịch vụ, họ chỉ cảm thấy hài lòng khi TNHT tại trường đại học đáp ứng được kỳ vọng của họ về những gì giáo dục đại học mang lại (kiến thức, kỹ năng, sự chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai). Ngoài ra, đối với sinh viên năm nhất, KQĐĐ còn bao gồm cảm giác gắn bó của sinh viên đối với nhà trường. Cảm giác gắn bó có ảnh hưởng nhất định đến ý định tiếp tục học hay thôi học của sinh viên năm nhất (Shcheglova et al., 2020). Theo Kerby (2015), những sinh viên năm nhất không có ý định thôi học thường sẽ kiên định hoàn thành khóa học của mình.

2.3. Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập đối với kết quả đạt được

Kết quả sinh viên thu nhận được từ giáo dục đại học chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, trong đó TNHT của sinh viên đóng vai trò tích cực và quan trọng (Pascarella & Terenzini, 2005). Điều này đã được minh chứng qua kết quả nghiên cứu ở nhiều nơi trên thế giới, trong số đó có những nghiên cứu ở quy mô cấp quốc gia. Ví dụ, dự án Wabash National Study of Liberal Arts Education (WNSLAE) thu thập thông tin về TNHT của hơn 17.000 sinh viên của 49 trường đại học tại Mỹ. Kết quả thu được từ dự án chỉ ra sự nỗ lực học tập của sinh viên, các hoạt động học tập sinh viên thực hiện hay mối quan hệ xã hội của sinh viên với cộng đồng học tập tại trường, những hoạt động giảng dạy, hỗ trợ của nhà trường có tương quan tích cực với sự phát triển kỹ năng học tập, kỹ năng tư duy của sinh viên. Các yếu tố trên cũng có tác động tích cực đối với sự hình thành và phát triển đạo đức và nhân cách của sinh viên (Pascarella, Seifert & Blaich 2010).

TNHT còn có mối quan hệ chặt chẽ đối với sự hài lòng và cảm giác gắn bó với nhà trường của sinh viên (Ang et al., 2019; Coates, 2008). Trong các khía cạnh của TNHT, mức độ hài lòng và gắn bó chịu tác động nhiều nhất từ sự tương tác với giảng viên và sự hỗ trợ của nhà trường dành cho họ trong học tập và đời

sống (NSSE, 2018). Khi sinh viên cảm thấy hài lòng với TNHT của mình hay cảm thấy thật sự gắn bó với nhà trường, họ sẽ có được những kết quả tốt trong học tập. Các nghiên cứu đã chỉ ra mối tương quan tích cực giữa sự hài lòng của sinh viên và điểm số, sự tích lũy kiến thức, phát triển kỹ năng và hình thành nhân cách và đạo đức của họ (Coates, 2008; NSSE, 2018), trong khi sự gắn bó lại có tác động không nhỏ đến tỷ lệ thôi học của sinh viên (Shcheglova et al., 2020).

Một số nghiên cứu ở Việt Nam về KQĐĐ của sinh viên (chủ yếu được đo lường qua điểm số) cũng chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng nhưng các nghiên cứu này chú tâm nhiều hơn đến ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan như động cơ học tập, tính chủ động của sinh viên, sự kiên định trong học tập (An & ctv., 2016; Hóa & ctv., 2018; Quỳnh & Anh, 2021), học lực lớp 12, phương pháp học tập (Thắm, 2017), điểm đầu vào đại học (Trang, 2019). Các yếu tố khách quan được các nhà nghiên cứu Việt Nam đề cập bao gồm sự tương tác với giảng viên và bạn bè (An & ctv., 2016; Hóa & ctv., 2018), hoạt động giảng dạy của giảng viên (Thái & Anh, 2016), dịch vụ hỗ trợ học tập từ nhà trường (Hóa & ctv., 2018; Thắm, 2017).

Từ các thông tin phân tích và tổng hợp được từ tài liệu, chúng tôi đưa ra một số định nghĩa vận hành cho các khái niệm chính của đề tài như sau. (1) TNHT được hiểu là toàn bộ những hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động tương tác mà sinh viên trải qua trong môi trường đại học. (2) KQĐĐ là những gì sinh viên có được từ TNHT của mình trong năm đầu tiên ở bậc đại học, bao gồm sự phát triển kiến thức, kỹ năng và nhân cách, điểm số, sự hài lòng và sự gắn bó với nhà trường của sinh viên.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu định lượng. Thông qua việc thu thập một lượng lớn thông tin bằng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và thực hiện các phép tính thống kê trên phần mềm SPSS 22.0, nghiên cứu sẽ kiểm tra được mối quan hệ giữa TNHT và KQĐĐ của sinh viên năm nhất trường IUH. Chúng tôi chọn sinh viên khóa 16 là đối tượng thu thập thông tin. Khi tham gia khảo sát vào tháng 8/2021, các sinh viên này vừa kết thúc năm học thứ nhất. Đây là thời gian thích hợp để sinh viên có thể đánh giá đầy đủ và chính xác TNHT ở năm thứ nhất đại học của mình.

Chúng tôi phát triển bảng câu hỏi khảo sát dựa trên nội dung các bảng hỏi về TNHT của sinh viên năm nhất được sử dụng trong các cuộc khảo sát thường niên cấp quốc gia như Student Experience Survey - SES (Úc) và National Survey of Student Engagement - NSSE (Mỹ). Đây là các bảng hỏi được các nhà nghiên cứu về giáo dục đại học trên thế giới thừa nhận rộng rãi về tính tin cậy và giá trị của chúng (NSSE, 2021). Những bảng hỏi này được thiết kế cho môi trường giáo dục ở Âu, Mỹ, do vậy, để chúng có thể phù hợp với điều kiện, đặc điểm riêng của giáo dục đại học Việt Nam, chúng tôi đã thực hiện việc điều chỉnh như chọn lọc, chỉnh sửa, bổ sung các câu hỏi và dịch câu hỏi từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Để nâng cao độ tin cậy và giá trị của bảng hỏi, chúng tôi còn trao đổi, tham khảo ý kiến một số nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục và một số giảng viên IUH. Sau khi nội dung bảng câu hỏi hoàn tất, chúng tôi tiến hành khảo sát thử với 30 sinh viên năm thứ nhất IUH nhằm phát hiện những lỗi sai ngữ nghĩa và cấu trúc khiến người trả lời không hiểu đúng ý hỏi.

Chúng tôi đã xây dựng 8 thang đo (40 mục hỏi) để đo lường TNHT và 4 thang đo (15 mục hỏi) để đo lường KQĐĐ. Nội dung thang đo được phát triển dựa trên tài liệu học thuật của thế giới về TNHT và KQĐĐ của sinh viên năm nhất kết hợp với các kinh nghiệm giảng dạy và hiểu biết của chúng tôi về đặc trưng của hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam và IUH. Các thang đo đều có độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's alpha đạt được từ 0,73 đến 0,96. Tên, số mục hỏi, nội dung, hệ số tin cậy Cronbach's alpha của từng thang đo được trình bày chi tiết trong bảng 1.

Nghiên cứu sử dụng ứng dụng Google Form để thực hiện việc khảo sát. Sau khi nhập xong nội dung bảng hỏi vào biểu mẫu của Google Form, chúng tôi gửi đường link của khảo sát đến các lớp học khóa 16. sinh viên tham gia khảo sát trên cơ sở tự nguyện. Sau 2 tuần, khi nhận thấy đã đủ số lượng phiếu trả lời, chúng tôi đóng link khảo sát trên Google Form và tải kết quả khảo sát ở dạng file Excel về máy tính và thực hiện việc phân tích số liệu. Khảo sát đã thu được tổng cộng 898 phiếu trả lời hợp lệ.

Bảng 1: Thang đo TNHT và KQ của sinh viên năm nhất IUH

Thang đo	Số mục hỏi	Nội dung	Cronbach's alpha
Chủ đề: Trải nghiệm học tập của sinh viên năm nhất IUH			
Nỗ lực	6	Mức độ sinh viên đầu tư công sức vào các hoạt động học tập.	0,78
Tư duy bậc cao	6	Mức độ CTĐT chú trọng đến việc phát triển các kỹ năng tư duy bậc cao của sinh viên.	0,87
Kiểm tra, đánh giá	4	Mức độ các bài tập, bài thi, tiểu luận, bài thực hành buộc sinh viên phải nỗ lực học tập.	0,92
Hoạt động nhóm	3	Mức độ sinh viên thường xuyên thực hiện việc hợp tác với bạn học trong học tập và sinh hoạt ngoại khóa.	0,73
Tương tác GV- SV	4	Mức độ trao đổi của sinh viên với giảng viên về nội dung bài học sau giờ học, về kết quả và kế hoạch học tập; mức độ giao tiếp với giảng viên qua mạng xã hội và tham gia sinh hoạt ngoại khóa với giảng viên.	0,89
Hiệu quả giảng dạy	7	Đánh giá của sinh viên về chất lượng các hoạt động giảng dạy của giảng viên	0,93
Chất lượng tương tác	5	Đánh giá của sinh viên về chất lượng các mối quan hệ của mình với các thành viên khác trong cộng đồng học tập IUH.	0,93
Hỗ trợ	5	Đánh giá của sinh viên về mức độ Nhà trường trợ giúp họ trong học tập và đời sống.	0,89
Chủ đề: Kết quả đạt được của sinh viên năm nhất IUH			
Phát triển kiến thức, kỹ năng & nhân cách	11	Đánh giá của sinh viên về mức đóng góp của TNHT đối với sự phát triển về kiến thức, kỹ năng và nhân cách của họ.	0,96
Sự hài lòng	2	Đánh giá chung của sinh viên về chất lượng về toàn bộ TNHT tại IUH; khả năng tiếp tục vào học tại IUH nếu được chọn lựa lại.	0,92
Điểm số	1	Điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên sau năm học thứ nhất tại trường IUH.	
Sự gắn bó	1	Mức độ gắn bó của sinh viên đối với Nhà trường.	

Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả (tỷ lệ %, mean (giá trị trung bình), số lượng) để phân tích đặc điểm của mẫu khảo sát và các thang đo. Do các thang đo được đo lường bằng các thang điểm mức độ khác nhau (4;5 và 7 điểm), để có thể so sánh Mean (giá trị trung bình) của các thang đo, chúng tôi đã chuyển đổi 8 thang đo sang cùng thang điểm 60. Đầu tiên, chúng tôi sử dụng lệnh Compute của SPSS để chuyển thang điểm của tất cả biến quan sát có trong các thang đo TNHT thành thang điểm 60, tiếp theo tính Mean cho từng thang đo. Việc chuyển đổi các thang đo về cùng một thang điểm cũng sẽ giúp hạn chế việc các thang đo có thang điểm cao có ảnh hưởng lớn hơn các thang đo khác trong mô hình hồi quy đa biến. Phép hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng để xác định ảnh hưởng của toàn bộ TNHT đối với KQĐĐ cũng như mức độ ảnh hưởng của từng thang đo TNHT đối với từng thang đo KQĐĐ nhằm xác định những khía cạnh IUH thực hiện tốt và những khía cạnh cần cải thiện.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Đặc điểm của mẫu khảo sát

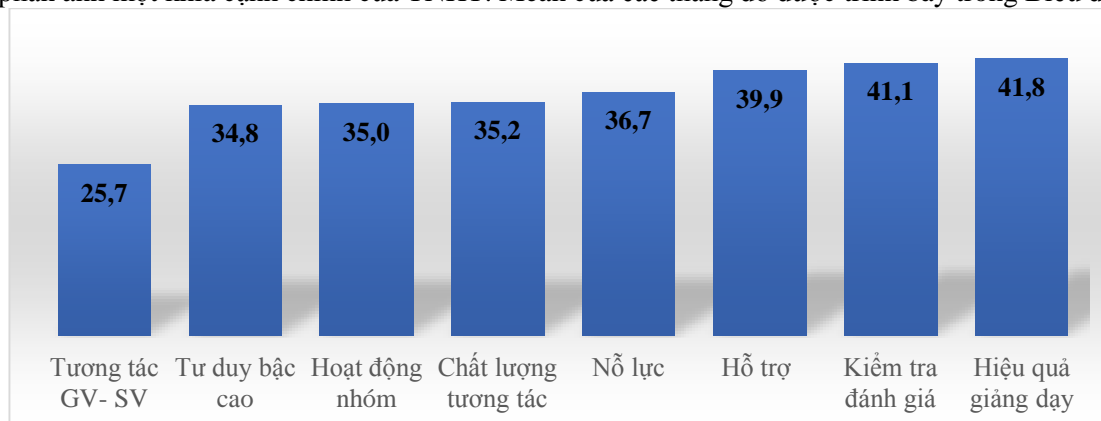
Tổng số sinh viên năm nhất IUH trả lời khảo sát là 898. Trong mẫu, số sinh viên nữ nhiều hơn sinh viên nam nhưng mức độ chênh lệch không cao (56,3 % so với 43,7%). Sinh viên khối ngành kinh tế chiếm hơn 3/5 tổng số mẫu (506 sinh viên), số còn lại (359 sinh viên) đang theo học các ngành kỹ thuật. Gần 30% sinh viên tham gia khảo sát không có bố mẹ, anh, chị từng học đại học. Về chất lượng đầu vào, đại đa số sinh viên (89,3%) có điểm thi đại học ở mức Khá, Giỏi (từ 21 đến <27). Số sinh viên điểm thấp (<21) hoặc rất cao (>27) chiếm tỷ lệ khá thấp (10,7%).

Bảng 2: Đặc điểm của mẫu

Đặc điểm	Giới tính		Ngành học		Người thân học Đại học		Điểm đầu vào			
	Nam	Nữ	Kinh tế	Kỹ thuật	Có	Không	<21	21- <24	24 - 27	>27
Số lượng	392	506	539	359	633	265	65	460	343	30
Tỷ lệ %	43,7	56,3	60,1	39,9	70,5	29,5	7,2	51,2	38,1	3,3

4.2. Trải nghiệm học tập của sinh viên năm nhất IUH

Để đánh giá đặc điểm của TNHT của sinh viên năm nhất IUH, nghiên cứu đã sử dụng 8 thang đo, mỗi thang đo phản ánh một khía cạnh chính của TNHT. Mean của các thang đo được trình bày trong Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1: Tổng hợp kết quả nghiên cứu về trải nghiệm học tập của sinh viên năm thứ nhất IUH

Xét tổng thể, các thang đo đo lường TNHT của sinh viên năm nhất IUH đạt mức trung bình. Ngoại trừ thang đo “Tương tác GV - SV” có Mean là 25,73 (nhỏ hơn mức trung bình là 30), Mean của 7 thang đo còn lại đều lớn hơn 30, biến thiên từ 34,8 đến 41,8. Mean cao nhất thuộc về 3 thang đo “Hiệu quả giảng dạy” (M= 41,8), ‘Kiểm tra đánh giá’ (M= 41,12) và “Hỗ trợ” (M= 39,98). Kết quả trên cho thấy chất lượng giảng dạy của giảng viên và sự hỗ trợ của trường IUH được sinh viên đánh giá cao. Họ cũng thừa nhận mức độ thách thức tương đối cao của kiểm tra, đánh giá. Đây là những chỉ báo tích cực về nỗ lực đảm bảo chất lượng đào tạo tại IUH. Tuy nhiên, dữ liệu cũng chỉ ra những khía cạnh IUH cần tập trung cải thiện. Cụ thể, tương tác giữa giảng viên và sinh viên còn khá hạn chế (M= 25,7), chất lượng các mối quan hệ xã hội của sinh viên trong môi trường học tập tại IUH còn chưa cao (M= 35,2) và mức độ chương trình đào tạo phát triển tư duy bậc cao cho sinh viên còn ở mức trung bình thấp (M= 34,8). Ngoài ra, mức độ chuyên cần học tập của sinh viên chưa được như kỳ vọng (M= 36,7).

4.3. Kết quả đạt được của sinh viên năm nhất từ trải nghiệm học tập tại trường IUH

Kết quả sinh viên đạt được (KQĐĐ) từ TNHT được đo lường qua 4 khía cạnh: đánh giá của sinh viên về sự đóng góp của TNHT tại IUH đối với mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng và nhân cách của họ; điểm số của sinh viên; sự hài lòng của sinh viên và sự gắn bó của sinh viên đối với Nhà trường.

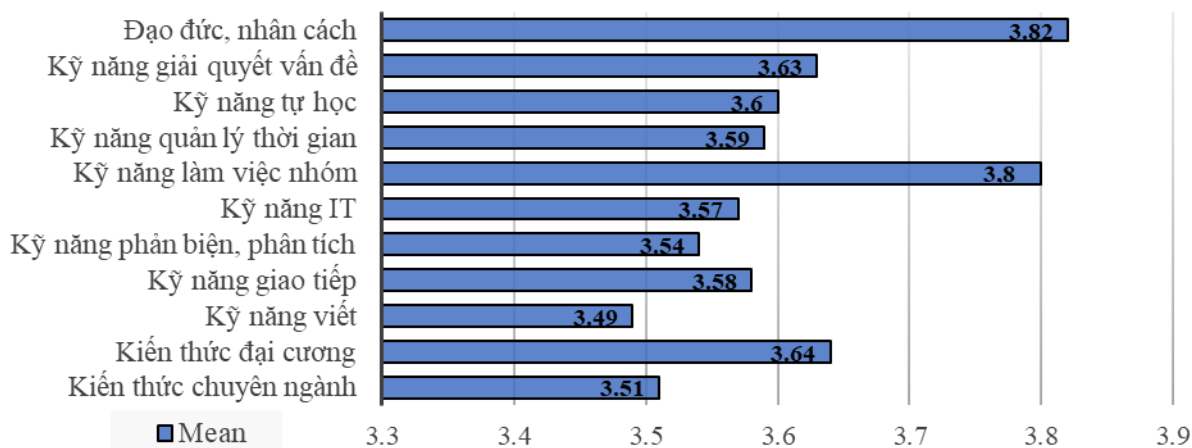
4.3.1. Đánh giá của sinh viên năm nhất IUH về mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, nhân cách của bản thân

Mức độ phát triển của sinh viên năm nhất IUH được đo lường bằng thang đo 5 điểm với 11 biến quan sát. Về kiến thức, sinh viên đánh giá mức độ tích lũy kiến thức đại cương và chuyên ngành của mình. Về mặt kỹ năng, sinh viên đánh giá mức độ phát triển của họ ở 8 kỹ năng cơ bản và cần thiết cho việc học tập ở bậc đại học cũng như cho công việc sau này như kỹ năng tự học, làm việc nhóm, viết, giao tiếp, giải quyết vấn đề ... Sinh viên còn được yêu cầu đánh giá mức độ phát triển đạo đức và nhân cách họ đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường IUH. Kết quả phân tích số liệu được trình bày ở biểu đồ 2.

Nhìn chung, sự phát triển ở 3 khía cạnh kiến thức, kỹ năng, nhân cách được sinh viên đánh giá ở mức Khá với Mean biến thiên từ 3,49 đến 3,82. Trong 3 khía cạnh trên, sinh viên cho rằng TNHT tại IUH đóng góp nhiều nhất vào sự hình thành và phát triển nhân cách của họ với M=3,82. Về mặt kiến thức, sinh viên đánh giá mức độ tích lũy kiến thức đại cương (M= 3,64) cao hơn mức độ tích lũy kiến thức chuyên ngành

(M=3,51). Điều này có thể giải thích từ tỷ trọng cao của các môn học đại cương so với những môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo năm thứ nhất đại học.

Trong số các kỹ năng học thuật cơ bản được khảo sát, viết và phản biện, phân tích thông tin là 2 kỹ năng sinh viên đánh giá có mức phát triển thấp nhất. Kết quả tương tự cũng được ghi nhận trong một số nghiên cứu trước đó về sự phát triển các kỹ năng học tập của sinh viên Việt Nam (Nguyen, 2016; Trang, 2021). Nguyên nhân có thể được lý giải từ việc khâu giảng dạy và kiểm tra đánh giá ở năm thứ nhất đại học chưa chú trọng nhiều đến việc phát triển 2 kỹ năng trên. Tại IUH, kiểm tra đánh giá sinh viên năm nhất chủ yếu dựa vào các kỳ thi giữa kỳ và cuối kỳ, chưa có nhiều môn học sử dụng tiểu luận như một hình thức kiểm tra. Khi thực hiện các bài tiểu luận, sinh viên năm nhất sẽ có điều kiện phát triển kỹ năng viết hay các kỹ năng phân tích, tích hợp, phản biện thông tin. Ngoài ra, phân tích dữ liệu về TNHT của sinh viên trong phần 4.2 cho thấy mức độ phát triển tư duy bậc cao cho sinh viên năm nhất của CTĐT chưa cao.



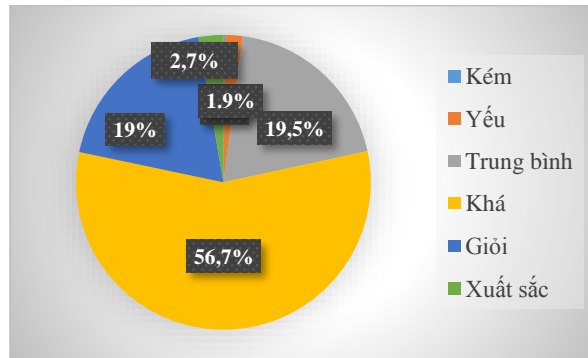
Biểu đồ 2: Mức độ phát triển về kiến thức, kỹ năng, nhân cách của sinh viên năm nhất IUH

Làm việc nhóm (M= 3,80), giải quyết vấn đề (M=3,63) và giao tiếp, trình bày ý tưởng hiệu quả (M=3,58) là các kỹ năng được sinh viên đánh giá cao. Kết quả này có thể là do giảng viên IUH sử dụng ngày càng nhiều các phương pháp giảng dạy tích cực. Thay cho phương pháp giảng dạy truyền thống, nhiều giảng viên khuyến khích sinh viên tích cực học tập thông qua các hoạt động thuyết trình, thảo luận trên lớp, làm việc theo nhóm hay học qua vấn đề (Problem-based Learning). Đặc biệt, kỹ năng làm việc nhóm là một trong những môn học bắt buộc của sinh viên năm nhất. Tất cả các yếu tố này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các kỹ năng trên của sinh viên năm nhất IUH.

Số liệu còn cho thấy mức độ phát triển ở mức Khá của 2 kỹ năng tự học (M=3,60) và quản lý thời gian (M=3,59). Theo quan sát và kinh nghiệm giảng dạy của chúng tôi, sự khác biệt trong giảng dạy và học tập ở bậc đại học và bậc phổ thông góp phần không nhỏ trong mức độ phát triển 2 kỹ năng này của sinh viên. Học chế tín chỉ ở bậc đại học buộc sinh viên phải học tập độc lập, không có sự hướng dẫn, giám sát sát sao của thầy, cô hay gia đình như ở bậc phổ thông. Sinh viên cũng buộc phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ học tập hơn. Ngoài học tập, nhiều sinh viên còn phải sống tự lập, tự chăm lo cho sinh hoạt hàng ngày của mình. Để có thể cân bằng được việc học và sinh hoạt, sinh viên phải biết sắp xếp thời gian hợp lý. Những yếu tố này tạo điều kiện cho sinh viên phát triển các kỹ năng tự học và quản lý thời gian.

4.3.2. Điểm số của sinh viên năm nhất IUH

Từ biểu đồ 3 có thể thấy, hơn phân nửa sinh viên năm nhất IUH được xếp loại học lực Khá (56,7%). Số sinh viên xếp loại Kém, Yếu chiếm một tỷ lệ khá thấp (2,1%). Số sinh viên Giỏi, Xuất sắc chiếm hơn 20%. Xếp loại học lực của sinh viên được phân bổ khá cân đối và phù hợp với năng lực của sinh viên năm nhất IUH.

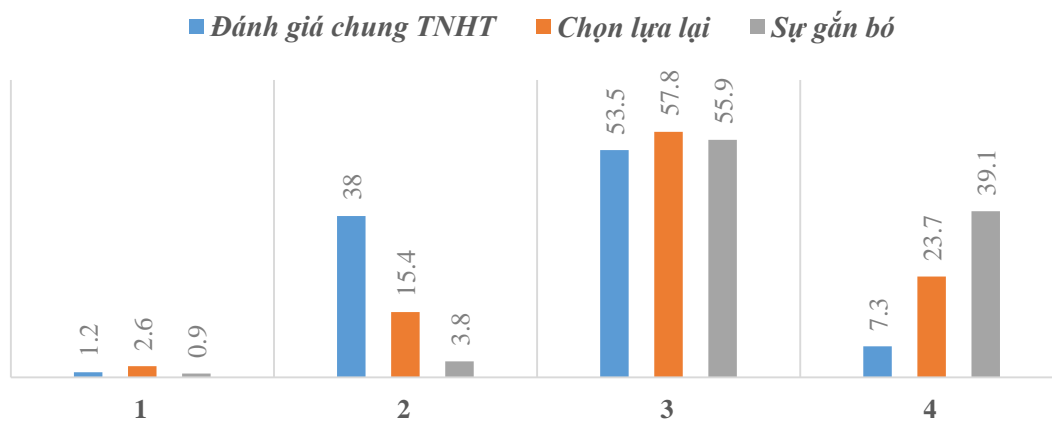


Biểu đồ 3: Điểm số của sinh viên năm nhất IUH

4.3.3. Mức độ hài lòng và mức độ gắn bó của sinh viên năm nhất IUH đối với Nhà trường

Sự hài lòng của sinh viên năm nhất IUH được đo lường qua 2 chỉ báo: đánh chung của sinh viên về toàn bộ TNHT tại trường và khả năng tiếp tục đăng ký vào học tại IUH nếu họ có cơ hội chọn lựa lại. Cả 2 chỉ báo này đều được đo lường bằng thang đo 4 điểm. Các giá trị: 1= Kém, 2= Tạm được, 3= Tốt, 4= Rất tốt được sử dụng cho phần đánh giá chung của sinh viên về TNHT. Khả năng chọn lựa lại IUH nếu có cơ hội được đo qua các giá trị: 1= Chắc chắn không; 2= Có lẽ không; 3= Có lẽ có; 4= Chắc chắn có. Sự gắn bó của sinh viên đối với Nhà trường được thể hiện qua các mức độ: 1= Muốn rời bỏ Trường; 2= Có cảm giác xa lạ; 3= Bình thường, không có gì đặc biệt; 4= Cảm giác là thành viên thực thụ của Trường. Kết quả phân tích cho 2 thang đo này được biểu diễn ở biểu đồ 4.

Biểu đồ cho thấy, có rất ít sinh viên có câu trả lời tiêu cực cho cả 3 chỉ báo. Số lượng sinh viên lựa chọn các giá trị cao (3 và 4) cho chỉ báo “Đánh giá chung” thấp hơn so với lựa chọn 3 hay 4 cho 2 chỉ báo còn lại. Điều này được xác định qua so sánh giá trị Mean của 3 chỉ báo. “Đánh giá chung” có $M = 2,67$ thấp hơn nhiều so với $M = 3,03$ (“Khả năng chọn lựa lại IUH”) và $M = 3,34$ (“Sự gắn bó”).



Biểu đồ 4: Mức độ hài lòng và gắn bó của sinh viên năm nhất IUH

Đa số sinh viên hài lòng với TNHT của mình tại trường IUH. Có 60,8% sinh viên tham gia khảo sát đánh giá chung TNHT năm thứ nhất tại IUH của họ ở mức “Tốt” và “Rất tốt”. Tỷ lệ sinh viên chọn lựa “Có thể có” và “Chắc chắn có” tiếp tục đăng ký học tại IUH nếu có cơ hội chọn lựa lại ở mức 81,5%. Chỉ có 18% sinh viên chọn các câu trả lời “Có lẽ không” và “Chắc chắn không”.

Về mức độ gắn bó với Nhà trường, tuy số sinh viên có các cảm giác tiêu cực như xa lạ hay muốn rời bỏ Trường chiếm tỷ lệ rất thấp (4,7%), chỉ có 39,1% sinh viên cảm thấy mình thật sự gắn bó với Trường. Hơn phân nửa sinh viên (55,9%) không có tình cảm đặc biệt gì với Trường. Trong năm học đầu tiên, cảm giác gắn bó có ảnh hưởng nhất định đến ý định tiếp tục học hay thôi học của sinh viên (Shcheglova et al., 2020). Những sinh viên có mức độ gắn bó thấp có khả năng bỏ học cao hơn các sinh viên khác. Một số nghiên cứu cũng xác lập được mối liên hệ giữa cảm giác gắn bó với kết quả học tập hay sự hài lòng của sinh viên đối với TNHT (Ang et al., 2019). Do vậy, Nhà trường cần lưu tâm cải thiện một số khía cạnh trong môi trường học tập nhằm vun bồi cảm giác gắn bó của sinh viên.

4.4. Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập đối với kết quả đạt được của sinh viên năm nhất IUH

Nghiên cứu sử dụng phép tính hồi quy tuyến tính đa biến để đo lường mức độ ảnh hưởng của TNHT đối với 4 khía cạnh của KQĐĐ từ TNHT tại trường IUH bao gồm: mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng và nhân cách; xếp loại học lực, sự hài lòng và cảm giác gắn bó của sinh viên đối với Nhà trường. Hồi quy đa biến cho phép xác định tổng ảnh hưởng của các thang đo TNHT cũng như của từng thang đo đối với 4 biến phụ thuộc đưa vào các mô hình nghiên cứu. Việc xác định ảnh hưởng của từng thang đo sẽ giúp xác định được những khía cạnh tích cực cũng như khía cạnh cần cải thiện trong TNHT của sinh viên. Ngoài ra, nghiên cứu còn đưa vào mô hình nghiên cứu các đặc điểm cá nhân của sinh viên như giới tính, ngành học, điểm thi đại học và có người thân học đại học. Đây là một số đặc điểm, theo một số nghiên cứu (Baik et al., 2015; NSSE 2018), có ảnh hưởng nhất định đến KQĐĐ của sinh viên từ TNHT. Kết quả đo lường ảnh hưởng của các đặc điểm cá nhân sẽ giúp nghiên cứu nhận diện các nhóm sinh viên cần hỗ trợ trong năm học đầu tiên tại trường.

Tóm tắt kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến và phân tích ANOVA của 4 mô hình hồi quy đa biến được trình bày trong bảng 3. Số liệu cho thấy tất cả 4 mô hình hồi quy được thiết lập đều phù hợp với mức ý nghĩa $p = 0,000$ và giá trị Durbin – Watson biến thiên từ 1,892 cho đến 2,103. Các giá trị R^2 hiệu chỉnh từ 0,118 cho đến 0,430 đã chỉ ra mức độ ảnh hưởng của tổng 8 thang đo TNHT và 4 đặc điểm cá nhân đối với các biến phụ thuộc của các mô hình. Tổng mức độ ảnh hưởng của tất cả các khía cạnh của TNHT và các đặc điểm cá nhân của sinh viên có tác động lớn nhất đến mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, nhân cách của sinh viên và có tác động ít nhất đến cảm giác gắn bó với Nhà trường của sinh viên. Trong khi TNHT và các đặc điểm cá nhân dự đoán được 43% mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, nhân cách của sinh viên (R^2 hiệu chỉnh = 0,430) và 37,2% sự hài lòng của sinh viên (R^2 hiệu chỉnh = 0,372), tỷ lệ này chỉ còn 15,9% và 11,8% đối với xếp loại học lực của sinh viên (R^2 hiệu chỉnh = 0,159) và cảm giác gắn bó của họ đối với Nhà trường (R^2 hiệu chỉnh = 0,118). Số liệu cho thấy, ngoài các biến độc lập được đưa vào mô hình nghiên cứu, các kết quả sinh viên đạt được từ TNHT tại IUH còn chịu ảnh hưởng của một số yếu tố khác. Các yếu tố này cần được xác định rõ hơn trong các nghiên cứu tiếp theo.

Bảng 3: Kết quả phân tích mô hình hồi quy và ANOVA của 4 biến phụ thuộc

Model Summary & ANOVA							
Biến phụ thuộc	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson	F	Sig. (p)
Phát triển kiến thức, kỹ năng, nhân cách	0,662	0,439	0,430	0,524	1,892	48,739	0,000
Điểm số	0,414	0,172	0,159	0,703	2,103	13,993	0,000
Sự hài lòng	0,618	0,382	0,372	0,405	2,025	40,242	0,000
Cảm giác gắn bó	0,363	0,132	0,118	0,551	1,916	9,855	0,000

Phép tính hồi quy đa biến còn cho phép nghiên cứu kiểm tra mức độ ảnh hưởng của từng biến độc lập lên các biến phụ thuộc. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy chỉ có một số biến độc lập trong mô hình nghiên cứu có ảnh hưởng đến các biến phụ thuộc. Kết quả được phân tích cho từng biến phụ thuộc. Chỉ các biến độc lập có ảnh hưởng đối với biến phụ thuộc ($p < .0,05$) mới được trình bày trong các bảng.

4.4.1. Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập và đặc điểm cá nhân đối với mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, nhân cách của sinh viên năm nhất IUH

Kết quả phân tích hồi quy được trình bày trong bảng 4.

Bảng 4: Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập và đặc điểm cá nhân đối với mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, nhân cách của sinh viên năm nhất IUH

Biến độc lập	Hệ số B chưa chuẩn hóa	Hệ số Beta chuẩn hóa	t	Sig.	Tolerance	VIF
(Constant)	2,951		8,031	0,000		
Nỗ lực	0,006	0,077	2,140	0,033	0,531	1,883

ẢNH HƯỞNG CỦA TRẢI NGHIỆM HỌC TẬP ...

Tương tác GV -SV	-0,006	-0,124	-3,384	0,001	0,517	1,935
Tư duy bậc cao	0,010	0,163	4,608	0,000	0,551	1,815
Kiểm tra đánh giá	0,005	0,099	3,240	0,001	0,737	1,357
Hiệu quả giảng dạy	0,011	0,181	4,566	0,000	0,440	2,274
Hỗ trợ	0,007	0,129	3,381	0,001	0,475	2,103
Chất lượng tương tác	0,014	0,287	9,492	0,000	0,754	1,326

Từ Bảng 4 có thể thấy không có đặc điểm cá nhân nào của sinh viên có ảnh hưởng đến mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, nhân cách của họ. Trong số 8 thang đo TNHT, ngoại trừ thang đo “Hoạt động nhóm”, các thang đo còn lại đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc này. “Chất lượng tương tác”, “Hiệu quả giảng dạy”, “Tư duy bậc cao” có mức ảnh hưởng cao nhất với hệ số Beta chuẩn hóa lần lượt là 0,287; 0,181 và 0,163. Số liệu này cho thấy các yếu tố của môi trường học tập như chất lượng giảng dạy của giảng viên, mối quan hệ thân thiện, tốt đẹp giữa các thành viên của Nhà trường và sự chú trọng của CTĐT đối với việc phát triển tư duy bậc cao của sinh viên sẽ có những tác động tích cực đối với sự phát triển về kiến thức, kỹ năng, nhận thức của sinh viên. Sự ảnh hưởng của các yếu tố trên đối với sự phát triển của sinh viên về kiến thức, kỹ năng và nhân cách cũng đã được ghi nhận trong một số nghiên cứu trước đó (Kuh, 2006; Nguyen, 2016; Pascarella & Terenzini, 2005). Riêng “Tương tác giữa GV-SV” lại có tác động tiêu cực đối với sự phát triển của sinh viên (Beta = -0,124). Sinh viên càng trao đổi thường xuyên với giảng viên về bài học hay kết quả, kế hoạch học tập thì mức độ phát triển về kiến thức, kỹ năng và nhân cách càng thấp. Điều này trái ngược với các kết luận của Pascarella & Terenzini (2005) về mối quan hệ thuận chiều giữa 2 yếu tố này. Theo Pascarella & Terenzini (2005), tương tác với giảng viên sẽ tạo cơ hội cho sinh viên mở mang kiến thức, phát triển kỹ năng. Mối quan hệ thân thiết với giảng viên có ảnh hưởng nhất định đến sự hình thành nhân cách của sinh viên cũng như góp phần vun bồi cảm giác gắn bó của sinh viên đối với nhà trường.

4.4.2. Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập và đặc điểm cá nhân đối với điểm số của sinh viên năm nhất IUH

Số liệu trong bảng 5 cho thấy tất cả các thang đo liên quan đến các yếu tố khách quan trong TNHT không có mối quan hệ với điểm số của sinh viên. Chỉ có thang đo “Nỗ lực” có ảnh hưởng đến điểm số của sinh viên (Beta = 0,228). Sinh viên chuyên cần, chăm chỉ học tập sẽ đạt được điểm số cao. Mối quan hệ giữa nỗ lực học tập của sinh viên và điểm số cũng đã được xác nhận trong nhiều nghiên cứu (Kuh, 2006; Nguyen, 2016). Hai đặc điểm cá nhân có ảnh hưởng đến xếp loại học lực của sinh viên bao gồm giới tính và điểm thi đại học với Beta lần lượt là 0,178 và 0,199. Sinh viên nữ có điểm số cao hơn sinh viên nam và các sinh viên có điểm thi đầu vào cao cũng sẽ có điểm số tốt hơn các sinh viên có điểm thi đầu vào thấp hơn.

Bảng 5: Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập và đặc điểm cá nhân đối với điểm số của sinh viên IUH

Biến độc lập	Hệ số B chưa chuẩn hóa	Hệ số Beta chuẩn hóa	t	Sig.	Tolerance	VIF
(Constant)	1,707		4,596	0,000		
Điểm thi đại học	0,079	0,199	6,178	0,000	0,983	1,017
Giới tính	0,275	0,178	4,080	0,000	0,536	1,865
Nỗ lực	0,020	0,228	5,199	0,000	0,531	1,883

4.4.3. Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập và đặc điểm cá nhân đối với sự hài lòng của sinh viên năm nhất IUH

Kết quả phân tích cho thấy các đặc điểm cá nhân của sinh viên không có nhiều ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với TNHT tại Trường. Chỉ có 2 đặc điểm “Giới tính” và “Người thân học đại học” có ảnh hưởng nhưng mức độ ảnh hưởng rất nhỏ (Beta = -0,08 và 0,06; $p < 0,05$), Hệ số Beta âm của “Giới tính” cho biết sinh viên nam hài lòng với TNHT của mình hơn sinh viên nữ. Những sinh viên không có người thân học đại học ít hài lòng về TNHT của mình hơn những sinh viên có người thân học đại học. Đây có thể là do các sinh viên không có người thân học đại học có khả năng gặp nhiều khó khăn hơn trong việc thích

ứng với môi trường học tập mới vì thiếu sự tư vấn, hỗ trợ từ gia đình. Điều này cũng đã được ghi nhận trong các cuộc khảo sát về TNHT của sinh viên năm nhất tại Mỹ và Úc (Baik et al., 2015; NSSE 2018).

Bảng 6: Ảnh hưởng của TNHT và đặc điểm cá nhân đối với sự hài lòng của sinh viên năm nhất IUH

	Hệ số B chưa chuẩn hóa	Hệ số Beta chuẩn hóa	t	Sig.	Tolerance	VIF
(Constant)	0,909		3,939	0,000		
Giới tính	-0,081	-0,079	-2,023	0,043	0,519	1,925
Người thân học ĐH	0,066	0,058	2,022	0,043	0,952	1,050
Hỗ trợ	0,346	0,401	10,086	0,000	0,501	1,997
Chất lượng tương tác	0,062	0,170	5,280	0,000	0,767	1,304
Nỗ lực	0,171	0,148	3,844	0,000	0,532	1,879
Hiệu quả giảng dạy	0,108	0,122	2,934	0,003	0,457	2,190
Tương tác GV - SV	-0,070	-0,105	-2,678	0,008	0,512	1,952

(Nguồn: Phân tích hồi quy từ dữ liệu khảo sát, năm 2021)

Trong các khía cạnh TNHT được đưa vào mô hình hồi quy, ba khía cạnh “Hoạt động nhóm”, “Tư duy bậc cao” và “Kiểm tra đánh giá” không có ảnh hưởng đối sự hài lòng của sinh viên. Các biến đo lường các khía cạnh còn lại đều có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0.05$) và 4/5 biến có tương quan thuận với mức độ hài lòng của sinh viên. “Hỗ trợ” của Nhà trường có ảnh hưởng lớn nhất đối với sự hài lòng của sinh viên với hệ số hồi quy Beta = 0,401, vượt trội so với hệ số hồi quy của các khía cạnh còn lại. Các khía cạnh khách quan có mức ảnh hưởng lớn tiếp theo bao gồm “Chất lượng tương tác” (Beta = 0,17) và “Hiệu quả giảng dạy” (Beta = 0,122). Riêng “Tương tác giữa GV – SV” (Beta = -0,105) có tương quan nghịch với mức độ hài lòng của sinh viên. Điều này cho thấy sinh viên càng trao đổi nhiều với giảng viên về kế hoạch học tập, kết quả học tập càng không hài lòng với TNHT của mình. Yếu tố chủ quan duy nhất được đưa vào mô hình hồi quy “Nỗ lực” có tương quan tích cực với sự hài lòng của sinh viên (Beta = 0,148). Điều này cho thấy các sinh viên có thái độ học tập tích cực, hành vi học tập đúng mực sẽ có TNHT bổ ích, hứng thú hơn các sinh viên khác, do vậy mức độ hài lòng đối với TNHT của họ cũng sẽ cao hơn.

4.4.4. Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập và đặc điểm cá nhân đối với sự gắn bó của sinh viên năm nhất IUH với Nhà trường

Phân tích hồi quy chỉ ra tất cả các đặc điểm cá nhân được đưa vào mô hình hồi quy đều không có ảnh hưởng đến mức độ gắn bó của sinh viên đối với Nhà trường. Chỉ có 3 trong số 8 thang đo của TNHT có mối tương quan tích cực với mức độ gắn bó của sinh viên bao gồm “Nỗ lực”, “Chất lượng tương tác” và “Hỗ trợ”. Các hệ số hồi quy của các thang đo có ảnh hưởng được trình bày trong bảng 7.

Từ hệ số hồi quy có thể thấy mức độ tác động của 3 thang đo còn khá thấp. Kết quả trên chỉ ra sinh viên chuyên cần, tích cực học tập sẽ có cảm giác gắn bó nhiều hơn với Nhà trường so với các sinh viên ít nỗ lực học tập. Các yếu tố như sự hỗ trợ của Nhà trường và chất lượng mối quan hệ của sinh viên với các thành viên khác của trường IUH cũng góp phần vun bồi tình cảm tích cực của sinh viên đối với Nhà trường. Kết quả này có một số tương đồng với kết quả của một số nghiên cứu (Marshall et al., 2012; Whitten et al., 2020) về các yếu tố ảnh hưởng đến cảm giác gắn bó của sinh viên, trong đó sự hỗ trợ của Nhà trường và sự tương tác của sinh viên với bạn bè, thầy, cô đóng vai trò quan trọng.

Bảng 7: Ảnh hưởng của trải nghiệm học tập và đặc điểm cá nhân đối với sự gắn bó của sinh viên năm nhất IUH

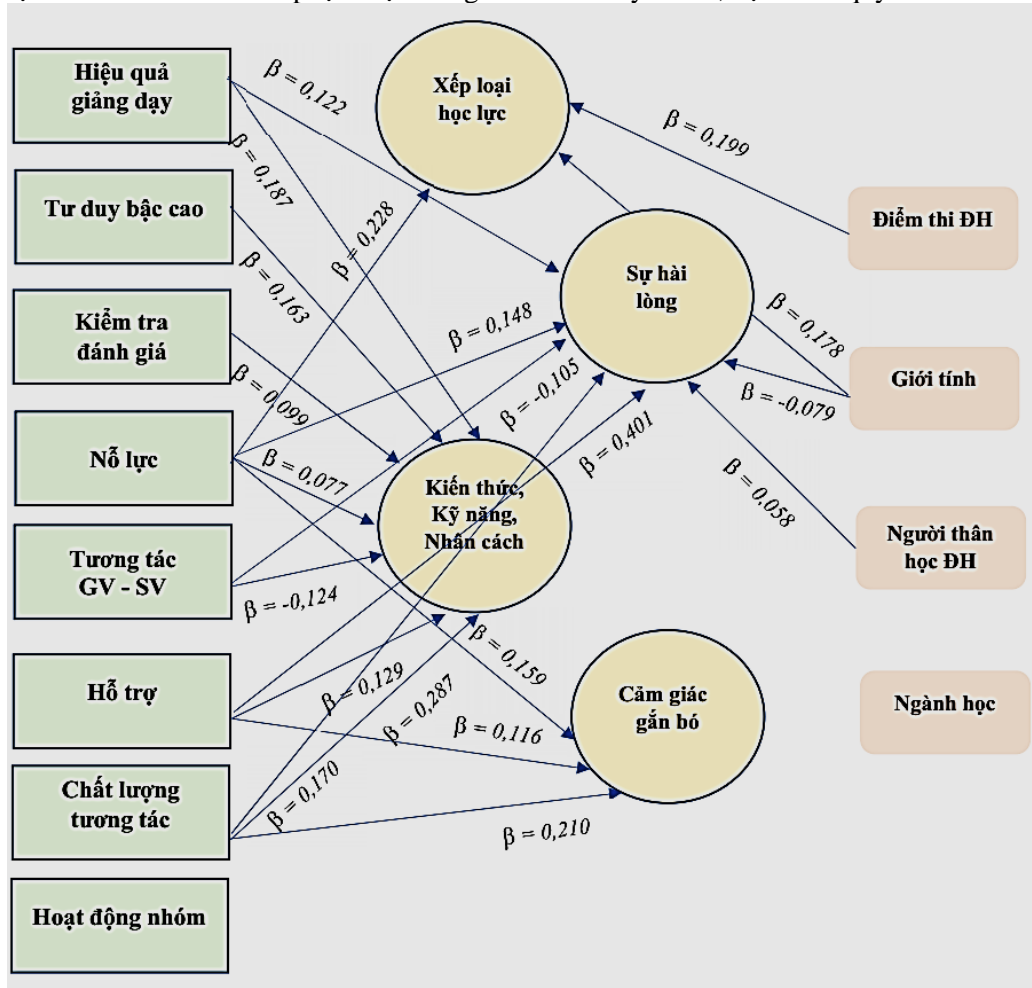
	Coefficients					
	Hệ số B chưa chuẩn hóa	Hệ số Beta chuẩn hóa	t	Sig.	Tolerance	VIF
(Constant)	2,044	0,314		6,518		
Nỗ lực	0,210	0,060	0,159	3,485	0,001	0,532

ẢNH HƯỞNG CỦA TRẢI NGHIỆM HỌC TẬP ...

Hỗ trợ	0,115	0,047	0,116	2,464	0,014	0,501
Chất lượng tương tác	0,087	0,016	0,210	5,501	0,000	0,766

Nguồn: Phân tích hồi quy từ dữ liệu khảo sát, năm 2021

Tổng hợp mối quan hệ giữa các biến độc lập và các biến phụ thuộc được biểu diễn trong Biểu đồ 5. Từ biểu đồ, có thể thấy “Hoạt động nhóm”, “Chuyên ngành” không có bất kỳ ảnh hưởng nào đối với các kết quả đạt được của sinh viên năm nhất IUH. Trong số các biến độc lập được khảo sát, “Nỗ lực” có mối tương quan tích cực đối với tất cả 4 biến phụ thuộc trong mô hình. Tuy nhiên, hệ số hồi quy biến thiên từ 0,077



Biểu đồ 5: Mối quan hệ giữa các khía cạnh trải nghiệm học tập và các kết quả đạt được của sinh viên năm nhất IUH

của một số nghiên cứu, trong đó sự chuyên cần, gắng sức trong học tập của sinh viên được xem là một trong những nhân tố có vai trò quyết định đến sự phát triển, điểm số và sự hài lòng của sinh viên (Kuh, 2007; Nguyen, 2016; Pascarella & Terenzini, 2005). Sự khác biệt này có thể là do sinh viên năm nhất IUH chưa nỗ lực nhiều trong học tập vì vậy nhân tố này không thể phát huy được tác động của mình. “Hỗ trợ” và “Chất lượng tương tác” có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển, sự hài lòng và sự gắn bó của sinh viên. Kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường học tập đối với kết quả học tập của sinh viên trong năm học đầu tiên ở bậc đại học (Marshall et al., 2012; Whitten et al., 2020). Điều đáng lưu ý, “Tương tác GV-SV” có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển và sự hài lòng của sinh viên. Kết quả này trái ngược với nhận định của Pascarella và Terenzini (2005) về ảnh hưởng tích cực của tương tác giữa sinh viên và giảng viên đối với sự hài lòng của sinh viên. Nguyên nhân có thể là do đa số các sinh viên năm nhất ở Việt Nam, theo quan sát của chúng tôi, chỉ liên hệ, trao đổi với giảng viên khi họ gặp những rắc rối trong học tập (điểm thấp, muốn chuyển ngành học, bị cảnh báo học vụ ...). Đối với những sinh viên này, việc học tập tại

IUH thường không phải là một trải nghiệm dễ chịu hay thú vị. Ngoài ra, chất lượng tương tác giữa giảng viên và sinh viên chưa cao cũng có ảnh hưởng tiêu cực đối sự hài lòng của sinh viên. “Kiểm tra đánh giá”, “Tu duy bậc cao” và “Hiệu quả giảng dạy” chỉ có ảnh hưởng đến sự phát triển kiến thức, kỹ năng, nhân cách của sinh viên nhưng mức độ ảnh hưởng, dù tích cực, nhưng không cao. Việc các biến độc lập này, đặc biệt “Kiểm tra đánh giá” không có tương quan với “Xếp loại học lực” của sinh viên, chưa tương đồng với một số nghiên cứu trước đó (Nguyen, 2016). Điều này cần được kiểm chứng thêm trong các nghiên cứu sắp tới để có thể đưa ra các giải thích phù hợp về mối quan hệ giữa các biến số trên.

Điểm thi đại học đầu vào chỉ có ảnh hưởng đối với điểm số của sinh viên, không có ảnh hưởng đến các kết quả khác. Điều này phù hợp với nhận định của Pascarella & Terenzini (2005) về các yếu tố có ảnh hưởng đối với thành quả học tập của sinh viên. Chất lượng đầu vào tuy có ảnh hưởng nhất định nhưng chính thái độ học tập, hoạt động học tập sinh viên thực hiện trong thời gian học đại học mới là các yếu tố đóng vai trò quyết định trong thành công của sinh viên. Yếu tố “Có người thân học đại học” chỉ có ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

TNHT của sinh viên năm nhất IUH có ảnh hưởng tích cực đối với sự tích lũy kiến thức, sự phát triển kỹ năng và nhân cách của sinh viên; điểm số; sự hài lòng và sự gắn bó của họ đối với Nhà trường. Các khía cạnh của TNHT, ngoại trừ “Hoạt động nhóm”, đều có ảnh hưởng với ít nhất một KQĐĐ, trong đó nỗ lực học tập của sinh viên có mối tương quan tích cực với cả 4 KQĐĐ. Bên cạnh những tín hiệu tích cực kể trên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những phương diện cần cải thiện. Ví dụ, mặc dù có tác động tích cực, nhưng mức độ ảnh hưởng của toàn bộ TNHT hay của từng khía cạnh của TNHT đến KQĐĐ chưa cao. Riêng sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên còn có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của sinh viên và sự hài lòng của họ đối với TNHT.

Do TNHT có mối liên hệ chặt chẽ với các KQĐĐ, để nâng cao chất lượng đào tạo, trường IUH cần có các giải pháp giúp sinh viên năm nhất có TNHT tốt hơn. Các giải pháp đó có thể tập trung vào các khía cạnh sau:

- Khuyến khích, thúc đẩy sinh viên nỗ lực nhiều hơn trong học tập. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra nỗ lực học tập có tác động đến các KQĐĐ nhưng mức tác động chưa cao. Điều này có thể là do sinh viên IUH chưa nỗ lực nhiều trong học tập nên yếu tố này chưa thể phát huy được hết mức độ ảnh hưởng của nó. Khi sinh viên nỗ lực học tập nhiều hơn, họ sẽ tích lũy được nhiều kiến thức hơn, phát triển các kỹ năng và nhân cách tốt hơn, đạt được điểm số cao hơn. Đây sẽ là những tiền đề cho sự thành công của họ trong những năm học kế tiếp.
- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ, chăm lo cho sinh viên năm thứ nhất trong học tập và đời sống. Không chỉ tăng số lượng các hoạt động hỗ trợ, Nhà trường cũng cần đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ để có thể tiếp cận được với nhiều đối tượng sinh viên năm thứ nhất cần được hỗ trợ hơn. Năm học đầu tiên ở đại học là giai đoạn sinh viên cần sự hỗ trợ từ phía Nhà trường nhiều nhất để có thể thích nghi với môi trường học tập mới. Sự hỗ trợ của Nhà trường sẽ giúp sinh viên năm nhất vượt qua các khó khăn, sẽ tạo cho họ cảm giác được quan tâm, từ đó, sẽ vun bồi tình cảm gắn bó cũng như sự hài lòng của sinh viên đối với Nhà trường. Điều này sẽ giúp giảm đáng kể tỷ lệ bỏ học của sinh viên năm nhất.
- Cải thiện chất lượng tương tác của sinh viên năm nhất với các thành viên khác trong trường IUH nhằm tạo ra môi trường học tập thân thiện cho sinh viên. Các giảng viên, nhất là các giảng viên chủ nhiệm, cần thể hiện sự quan tâm nhiều hơn đối với sinh viên năm nhất. Sự quan tâm của thầy, cô sẽ tạo cho các em sự tin tưởng vào giảng viên. Các em sẽ xem thầy, cô là chỗ dựa đáng tin cậy khi gặp những khó khăn trong học tập và đời sống. Qua đó, giảng viên có thể kịp thời chia sẻ và hỗ trợ các em khắc phục khó khăn. Trong khi giảng dạy, giảng viên cũng cần chú trọng đến việc phát triển các kỹ năng học tập cần thiết cho sinh viên.
- Nhà trường cần nâng cao vai trò của các cố vấn học tập. Cố vấn học tập sẽ là người định hướng, tư vấn, giám sát các hoạt động học tập của sinh viên năm nhất giúp các em nhanh chóng thích ứng và hòa nhập với môi trường học tập mới.
- Về phía sinh viên: Mỗi sinh viên, khi bước chân vào trường đại học, cần có những thay đổi về mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Để có TNHT hữu ích, các em cần tự giác, nỗ lực nhiều hơn trong học tập; chủ động nắm bắt các cơ hội học tập thông qua việc tích cực tương tác với giảng viên, làm việc nhóm với bạn bè, tham gia các hoạt động ngoại khóa. Các em cũng cần xây dựng các mối quan hệ xã hội với bạn bè,

thầy, cô, các nhân viên phòng ban để bản thân có thể trở thành một thành viên thực thụ của Nhà trường.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM đã cấp kinh phí để nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu này (Hợp đồng nghiên cứu khoa học số 69/HĐ-ĐHCN, mã số 21/ICB01).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abbott, S. (2013). *The glossary of education reform*. The great schools partnership, USA. [Accessed on 22 August, 2020]. Available at: <https://www.eqavet.eu/eu-quality-assurance/glossary/learning-experience>.
- An, N.T.T., Thứ, N.T.N., Oanh, Đ.T.K. & Thành, N.V. (2016). Những nhân tố ảnh hưởng kết quả học tập của sinh viên năm I-II Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. số 46c, tr 82-89, 2016.
- Ang, C. S., Lee, K. F., & Dipolog-Ubanan, G. F. (2019). Determinants of first-year student identity and satisfaction in higher education: A quantitative case study. *SAGE Open*, 9(2), 2158244019846689.
- Astin A.W. (1977). *Four critical years. effects of college on beliefs, attitudes, and knowledge*, CA: Jossey- Bass, San Francisco.
- Astin, A.W. (1991). *Assessment for excellence: the philosophy and practice of assessment and evaluation in higher education*, NY: MacMilan, New York, 1991.
- Awang, M. M., Kutty, F. M., & Ahmad, A. R. (2014). Perceived social support and well-being: First-year student experience in university. *International Education Studies*, 7(13), 261-270.
- Baik, C., Naylor, R., & Arkoudis, S. (2015). The first year experience in Australian universities: Findings from two decades, 1994-2014. *Melbourne Centre for the study of higher education*.
- Brinkworth, R., McCann, B., Matthews, C., & Nordström, K. (2009). First year expectations and experiences: Student and teacher perspectives. *Higher Education*, 58(2), 157-173.
- Coates, H. (2008). *Beyond happiness: managing engagement to enhance satisfaction and grades*, Australian Council for Educational Research (ACER), Camberwell.
- Coates, H. (2010). Development of the Australasian Survey of Student Engagement (AUSSE), *Higher Education: The International Journal of Higher Education and Educational Planning*, vol. 60, no. 1, pp. 1-17.
- Gray, A. (2016). The 10 skills you need to thrive in the Fourth Industrial Revolution, World Economic Forum. [Accessed on 11 October, 2018]. Available at: <https://www.weforum.org/agenda/2016/01/the-10-skills-youneed-to-thrive-in-the-fourth-industrial-revolution>.
- Hóa, Đ.T., Điệp, H.T.N. & Tuyên, L.T.K. (2018). Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Đồng Nai. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai*, 11 tr.18-29.
- International Bureau of Education (IBE), *Glossary of curriculum terminology*, IBE-UNESCO (2013). [Accessed on 22 August, 2020]. Available at: <https://www.eqavet.eu/eu-quality-assurance/glossary/learning-experience>
- Kerby, M. B. (2015). Toward a new predictive model of student retention in higher education: an application of classical sociological theory. *Journal of College Student Retention Research, Theory & Practice*, 14(4), pp. 467-93.
- Kuh, G.D. (1993). In their own words: what students learn outside the classroom, *American Educational Research Journal*, vol. 30, no. 2, pp. 277-304, 1993.
- Kuh, G.D., Kinzie, J., Buckley, J., Bridges, B. & Hayek, J. (2006). *What Matters to Student Success: A Review of the Literature*, Final Report for the National Postsecondary Education Cooperative and National Center for Education Statistics. Bloomington: Indiana University Center for Postsecondary Research.
- Marshall, S., Zhou, M., Gervan, T., & Wiebe, S. (2012). Sense of belonging and first-year academic literacy. *Canadian Journal of Higher Education*, 43(3), 116-142.
- National Survey of Student Engagement (NSSE) (2018). First- year students: Who engaged also persist: Selected Results. Accessed at: <https://nsse.indiana.edu/research/annual-results/selected-results/fy-students.html>. [Accessed on May 04, 2020].
- National Survey of Student Engagement (NSSE) (2021). *NSSE 's Psychometric Portfolio*, NSSE, IN: Indiana University Center for Postsecondary Research, Bloomington. [Accessed on July 17, 2021]. Available at <https://nsse.indiana.edu/nsse/psychometric-portfolio/index.html>

- Nguyen, T.T.T. (2016). *Student engagement: A useful quality concept in the Vietnamese Higher Education* (PhD Thesis). Australia: University of South Australia.
- Pascarella, E. T., Seifert, T. A., & Blaich, C. (2010). How effective are the NSSE benchmarks in predicting important educational outcomes?. *Change: The Magazine of Higher Learning*, 42(1), 16-22.
- Pascarella, ET & Terenzini, P.T. (2005). *How college affects students: a third decade of research*, 2nd edn, San Francisco: Jossey-Bass.
- Quỳnh, N.T.N. & Anh. P.T.N. (2021). Các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên tại Trường Đại học Ngân hàng. *Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh*, 181 tr.95-110.
- Shcheglova, I., Gorbunova, E., & Chirikov, I. (2020). The role of the first-year experience in student attrition. *Quality in Higher Education*, 26(3), 307-322.
- Thái, H.V. & Anh, L.T.K. (2016). Mối quan hệ giữa hoạt động giảng dạy, động cơ học tập và kết quả học tập của sinh viên. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*. 14 (1), tr.188-200.
- Thắm, P.T.H. (2017). *Đánh giá mức độ ảnh hưởng một số yếu tố đến kết quả học tập của sinh viên năm nhất Trường Đại học Nông - Lâm, Bắc Giang*. Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trang, N.T.T. (2021). Đánh giá của sinh viên về các kết quả đạt được từ trải nghiệm học tập tại trường Đại học Công nghiệp TP. HCM. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ trường Đại học Công nghiệp TP. HCM*, 53A, pp. 141 – 153.
- Trang, P.T.T. (2019). Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên. *TNU Journal of Science and Technology*. 206(13), tr. 79 – 84.
- Whitten, D., James, A., & Roberts, C. (2020). Factors That Contribute to a Sense of Belonging in Business Students on a Small 4-Year Public Commuter Campus in the Midwest. *Journal of College Student Retention: Research, Theory & Practice*, 22(1), 99–117. <https://doi.org/10.1177/1521025117726520>

THE EFFECTS OF LEARNING EXPERIENCE ON THE LEARNING OUTCOMES OF FIRST- YEAR STUDENTS OF INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HO CHI MINH CITY

NGUYEN THI THU TRANG*, ĐÀO THỊ NGUYỆT ÁNH, NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP, LÝ THANH BÌNH, PHẠM THỊ OANH, ĐỖ THỊ THÌN

Faculty of Fundamental Science, Industrial University of Ho Chi Minh city

**Corresponding author: nguyenthithutrang@iuh.edu.vn*

Abstract. The study measured the level of effects of first-year students' learning experience on the outcomes they achieved in the first academic year at Industrial University of Ho Chi Minh city (IUH). This is a comparatively new topic in the research into Vietnamese higher education. Data collected from the survey responses of 898 IUH first-year students indicated that learning experience, overall, had positive effects on learning outcomes including the development of knowledge, skills and personality; grades; satisfaction and sense of belonging of IUH first-year students. The factors that had impacts on most of the outcomes included students' academic effort, institutional support given to students in learning and life, and the quality of the relationships between students and other IUH members. The other factors, except for "Group Work", had effects on at least one outcome. However, the interaction between students and lecturers had negative influence on student satisfaction.

Key words. learning outcome, learning experience, first-year student, satisfaction, sense of belonging

Ngày gửi bài: 03/10/2022

Ngày chấp nhận đăng: 24/12/2022